

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2025/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026- 2031 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Xét Tờ trình số 6697/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về mức chi kinh phí phục vụ bầu cử và thời gian được hưởng hỗ trợ cho các đối tượng phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh số 80/BC-BDT ngày 05 tháng 12 năm 2025; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Ban hành quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội

khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2025.

2. Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Điện Biên hết hiệu lực kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp căn cứ pháp lý, văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XV, Kỳ họp thứ Hai mươi tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- LĐ, CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Điện Biên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị - Nhà khách tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT tổng hợp Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô

QUY ĐỊNH

**Mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử
đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Điện Biên**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quy định này quy định về nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí; nguồn kinh phí; mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

b) Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của Thông tư số 87/2025/TT-BTC, ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử, các Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 tỉnh Điện Biên.

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí

Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, không trùng lặp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, tổ chức để phục vụ cho công tác bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí phục vụ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 tỉnh Điện Biên do ngân sách Trung ương bảo đảm và nguồn cân đối ngân sách địa phương theo quy định.

Điều 4. Mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (Đvt: VNĐ)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Chi tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ bầu cử			
a	Chi tổ chức hội nghị	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên.		
b	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định mức chi cho công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên được sửa đổi bổ sung bởi Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024.		
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp			
a	Các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử; Ủy ban bầu cử; Ban bầu cử; các Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử; Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.			
	<i>Chủ trì cuộc họp</i>	<i>người/ buổi</i>	<i>170.000</i>	<i>110.000</i>
	<i>Thành viên tham dự</i>	<i>người/ buổi</i>	<i>115.000</i>	<i>75.000</i>
	<i>Các đối tượng phục vụ</i>	<i>người/ buổi</i>	<i>60.000</i>	<i>40.000</i>
b	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử			
	<i>Chủ trì cuộc họp</i>	<i>người/ buổi</i>	<i>115.000</i>	<i>75.000</i>
	<i>Thành viên tham dự</i>	<i>người/ buổi</i>	<i>80.000</i>	<i>55.000</i>
	<i>Các đối tượng phục vụ</i>	<i>người/ buổi</i>	<i>60.000</i>	<i>40.000</i>

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (Đvt: VNĐ)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ban bầu cử, Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử			
	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:			
a	Trưởng đoàn giám sát	người/ buổi	170.000	110.000
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	người/ buổi	115.000	75.000
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát như sau:			
	<i>Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát</i>	<i>người/ buổi</i>	<i>80.000</i>	<i>55.000</i>
	<i>Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe)</i>	<i>người/ buổi</i>	<i>60.000</i>	<i>40.000</i>
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát			
	<i>Báo cáo tổng hợp kết quả từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát</i>	<i>báo cáo</i>	<i>600.000</i>	<i>400.000</i>
	<i>Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ban Chỉ đạo và Ủy ban bầu cử</i>	<i>báo cáo</i>	<i>800.000</i>	<i>500.000</i>
	<i>Chi tham gia ý kiến bằng văn bản cho các cá nhân, chuyên gia tham gia ý kiến đối với báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát</i>	<i>người/ lần</i>	<i>150.000, tổng mức chi xin ý kiến tối đa 450.000 đồng/người/văn bản</i>	<i>120.000, tổng mức chi xin ý kiến tối đa 360.000 đồng/người/văn bản</i>
	<i>Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo</i>	<i>báo cáo</i>	<i>350.000</i>	<i>220.000</i>
4	Chi xây dựng văn bản			
a	Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước đối với xây dựng từng loại văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.			
b	Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND.			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (Đvt: VNĐ)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
	Chi xây dựng văn bản liên quan đến công tác bầu cử do Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử ban hành bao gồm: Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý). Riêng Nghị quyết của Ủy ban bầu cử, báo cáo tổng kết công tác bầu cử báo cáo Quốc hội mức chi tương đương soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (văn bản mới) quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	văn bản	1.400.000	1.100.000
	Chi tham gia ý kiến bằng văn bản cho các cá nhân, chuyên gia tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản.	người/ lần	150.000, tổng mức chi xin ý kiến tối đa 450.000 đồng/người/văn bản	120.000, tổng mức chi xin ý kiến tối đa 360.000 đồng/người/văn bản
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:			
	Trưởng ban, Phó Trưởng ban Chỉ đạo; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử.	người/ tháng	1.600.000	770.000
	Ủy viên Ban chỉ đạo; ủy viên Ủy ban bầu cử; Trưởng, phó các Ban bầu cử; Trưởng, phó các tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử.	người/ tháng	1.150.000	550.000
	Thành viên các Ban bầu cử, thành viên tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử.	người/ tháng	800.000	400.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (Đvt: VNĐ)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử thực hiện theo thực tế (tính từ thời điểm Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử được thành lập theo Quyết định của cấp có thẩm quyền cho đến khi Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử kết thúc nhiệm vụ, nhưng tối đa không quá 4 tháng). Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.			
b	Bồi dưỡng cho các đối tượng là thành viên các Ban bầu cử, Tổ bầu cử trong đợt bầu cử và các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ giúp việc, Ủy ban bầu cử); thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử; ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử), các đối tượng trên phải được cấp có thẩm quyền quyết định huy động, trung tập phù hợp với yêu cầu công việc, nhiệm vụ.	người/ ngày	90.000	
	<i>Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử nhiều hơn 15 ngày (trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt).</i>	người/ tháng	1.350.000	
c	Bồi dưỡng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử trong 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử); danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.	người/ ngày	140.000	
6	Chi khoản hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (Đvt: VNĐ)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
a	Trưởng ban, Phó Trưởng ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng, phó Ban bầu cử; Trưởng, phó các Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử; Ủy viên Ban chỉ đạo, Ủy viên Ủy ban bầu cử; Thành viên Ban bầu cử; Thành viên các Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử.	người/ tháng	300.000	200.000
b	Trường hợp cần thiết Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định danh sách cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử được hỗ trợ cước điện thoại di động.	người/ tháng	200.000	100.000
c	Thời gian hỗ trợ cước điện thoại di động theo thực tế (tính từ thời điểm Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, các Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử được thành lập theo Quyết định của cấp có thẩm quyền cho đến khi Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, các Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử kết thúc nhiệm vụ, nhưng tối đa không quá 04 tháng). Trường hợp một người đã được hưởng chế độ hỗ trợ tiền điện thoại tại quy định này; đồng thời cũng thuộc đối tượng được hưởng chế độ chi tiền điện thoại tại quy định khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì chỉ được hưởng mức chi cao nhất. Danh sách chi hỗ trợ thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.			
7	Khoản chi hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và đi tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác	Thực hiện theo mức chi tương ứng (cấp tỉnh theo mức chi Hội đồng nhân dân tỉnh, cấp xã theo mức chi Hội đồng nhân dân cấp xã) quy định tại Khoản 1 Mục IV, Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định chế độ, chính sách, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Điện Biên.		
	Danh sách điểm tiếp xúc cử tri thực hiện theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Mặt trận Tổ quốc các xã, phường			
8	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử			
	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	người/ buổi	60.000	
	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	người/ buổi	35.000	
	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	người/ buổi		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (Đvt: VNĐ)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
9	Chi đóng hòm phiếu			
	Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng phải mua mới.			
	Hòm phiếu chính	hòm phiếu	400.000	
	Hòm phiếu phụ (nếu có)	hòm phiếu	200.000	
10	Chi khắc dấu			
	Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng phải mua mới hoặc bổ sung	dấu	300.000	
11	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử			
	Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung.	bảng	1.200.000	
12	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử	Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.		
13	Chi hỗ trợ công tác tuyên truyền	Tối đa 1.500.000 đồng/xã, phường		
14	Chi in ấn	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.		
15	Chi hỗ trợ vận chuyển tài liệu, hòm phiếu	Vận chuyển tài liệu, hòm phiếu từ xã, phường xuống tổ bầu cử 200.000 đồng/tổ.		
16	Các nội dung chi khác	Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		